

QUYẾT ĐỊNH

Cấp học bổng tài trợ cho sinh viên thuộc đối tượng gia đình khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo đạt thành tích cao trong học tập năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị Quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư Quy định về trao và nhận học bổng, trợ cấp cho người học trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHXDMT ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định chính sách học bổng cho sinh viên chính quy trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng tài trợ cho 15 sinh viên thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn, con mồ côi... đạt thành tích cao trong học học tập và rèn luyện năm học 2024-2025 (có danh sách trích ngang kèm theo).

Trong đó:

Trị giá học bổng tài trợ 2.000.000 đồng/SV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT, Hiệu trưởng (b/c);
- Đơn vị tài trợ;
- Như Điều 2 (t/h);
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV, KHTC.

[Chữ ký]



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lê Đức Thường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC HỌC BỔNG TÀI TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 4MS/QĐ-DHXDMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Trị giá học bổng tài trợ	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	23Q75802011026	Phạm Minh Đức	D23XDK1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000		
2	23Q75802011041	Nguyễn Minh Học	D23XDK1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000		
3	22Q75803011028	Đào Lê Khánh Vy	D22XDK1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000		
4	21DQ3401011078	Nguyễn Thái Bình	D21QLC1	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000		
5	22Q73401013074	Nguyễn Thị Mỹ Hương	D22QHC1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000		
6	22Q73401013050	Ung Thị Mỹ Dung	D22QHC1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000		
7	22Q73403012074	Nguyễn Thị Thu Nhân	D22KDC1	Bản thân khuyết tật (tim bẩm sinh), Gia đình khó khăn	2.000.000		
8	22Q73403012013	Đặng Thị Kim Huệ	D22KDC1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000		
9	22Q73401013044	Vũ Quốc Việt	D22QHC1	Con mồ côi, hộ cận nghèo	2.000.000		
10	22Q75801031014	Châu Bích Ngọc Phương	D22KNT1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000		
11	22DN5801011016	Bùi Minh Thúc	D22K1DN	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000		
12	23DT5802011009	Nguyễn Hữu Phát	D23X2DN	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000		
13	22DN5802011031	Huỳnh Tấn Tài	D22X1DN	Hộ nghèo 2025	2.000.000		
14	23DN5803021006	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	D23QX1DN	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000		
15	21DN5802011012	Phan Thanh Hoàng	D21X1DN	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000		
		Tổng cộng				30.000.000	

Bảng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thanh Bình

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SV

Lê Trọng Hoài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Đại

HIỆU TRƯỞNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình

Lê Trọng Hoài

Nguyễn Đình Đại

Lê Đức Thường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC HỌC BỔNG TÀI TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHXĐMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Trị giá học bổng tài trợ	Tài khoản ATM ngân hàng VietinBank	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	23Q75802011026	Phạm Minh Đức	D23XDK1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000	103877434235	
2	23Q75802011041	Nguyễn Minh Học	D23XDK1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000	107880308149	
3	22Q75803011028	Đào Lê Khánh Vy	D22XDK1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000	105877417606	
4	21DQ3401011078	Nguyễn Thái Bình	D21QLC1	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000	102875347762	
5	22Q73401013074	Nguyễn Thị Mỹ Hương	D22QHC1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000	101877406241	
6	22Q73401013050	Ung Thị Mỹ Dung	D22QHC1	Hộ cận nghèo năm 2024	2.000.000	108877406217	
7	22Q73403012074	Nguyễn Thị Thu Nhân	D22KDC1	Bản thân khuyết tật (tìm kiếm sinh), Gia đình khó khăn	2.000.000	108875992092	
8	22Q73403012013	Đặng Thị Kim Huệ	D22KDC1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000	105877203383	
9	22Q73401013044	Vũ Quốc Việt	D22QHC1	Con mồ côi, hộ cận nghèo	2.000.000	103877406236	
10	22Q75801031014	Châu Bích Ngọc Phương	D22KNT1	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000	102872005493	
11	22DN5801011016	Bùi Minh Thúc	D22K1DN	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000	108878130724	
12	23DT5802011009	Nguyễn Hữu Phát	D23X2DN	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000		
13	22DN5802011031	Huỳnh Tấn Tài	D22X1DN	Hộ nghèo 2025	2.000.000	101878130691	
14	23DN5803021006	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	D23QX1DN	Gia đình khó khăn về kinh tế	2.000.000	106880423313	
15	21DN5802011012	Phan Thanh Hoàng	D21X1DN	Hộ cận nghèo năm 2025	2.000.000	109876578409	
		Tổng cộng				30.000.000	

Bảng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thanh Bình

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SV

Lê Trọng Hoài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Đình Đại

XÂY DỰNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC
 XÂY DỰNG MIỀN TRUNG
 KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 Lê Đức Thường